

Bản án số: 271/2023/HS-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh và bà Trần Kim Liên.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 245/2023/TLST-HS ngày 23/8/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐXXST-HS ngày 05/9/2023, đối với bị cáo:

TRẦN THỊ NGÂN N1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 28/12/2003;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; đăng ký tạm trú: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Tạ Thị N; chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/8/2023 đến nay (bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/6/2023 đến ngày 04/8/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “bảo lãnh”), có mặt.

Bị hại:

Anh Hoàng Kiềm L, sinh 2004, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn X, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

2. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị Ngân N1 và anh Hoàng Kiềm L là bạn bè quen biết nhau. Tối ngày 30/5/2023, N1 đến phòng trọ của anh L, tại xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi. Quá trình chơi tại phòng trọ của anh L, N1 tình cờ thấy anh L lấy tiền từ quyển sách “Thao túng tâm lý” bìa màu đỏ cất trong chiếc ba lô treo trên tường của phòng trọ. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên N1 đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên.

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 31/5/2023, N1 điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của anh L để chờ anh L đi làm. Khi đến nơi, N1 đỗ xe mô tô trước cổng xóm trọ rồi đi vào, N1 bảo anh L ra dắt xe giúp để N1 đi vệ sinh nhờ, mục đích để anh L ra khỏi phòng và tạo điều kiện thuận lợi để N1 thực hiện hành vi trộm cắp tiền của anh L. Khi anh L vừa đi ra cổng để dắt xe thì N1 lập tức đi đến vị trí treo chiếc ba lô của anh L mở ra, lấy quyển sách có kẹp tiền bên trong và cất giấu trong túi áo. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp, N1 điều khiển xe chở anh L đi làm, sau đó N1 đến Tòa nhà FCC tại phường H, thành phố T để làm việc. N1 lấy số tiền đã trộm cắp ra đếm được 2.900.000 đồng.

Đến ngày 05/6/2023, anh L phát hiện mất quyển sách có kẹp số tiền 2.900.000 đồng nên đã đến Công an xã Q, thành phố T trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá số 183/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) quyển sách “Thao túng tâm lý” được xuất bản ngày 23/02/2022 tại N3, trị giá 30.000 đồng.

Tổng số tài sản Trần Thị Ngân N1 đã trộm cắp của anh L có giá trị là: 2.930.000 đồng.

C khai nhận, số tiền trộm cắp được của anh L, N1 tiêu xài cá nhân hết; quyển sách “Thao túng tâm lý”, N1 đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Quá trình điều tra Cơ quan công an đã trả lại quyển sách trên cho anh Hoàng Kiềm L là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra Trần Thị Ngân N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của N1 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 2.900.000 đồng, hiện không thu hồi được.

- 01 (một) quyển sách “Thao túng tâm lý” được xuất bản ngày 23/02/2022 tại nhà xuất bản Dân trí. Ngày 02/8/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho anh L là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

- 01 chiếc USB màu xanh, nhãn hiệu Micro và 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu Lexar, có chứa video ghi lại nội dung liên quan đến vụ án được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh L số tiền 2.900.000 đồng, anh L không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bản cáo trạng số 253/CT-VKS-TPTN ngày 22/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Thị Ngân N1, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể sau:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngân N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngân N1 từ 12 đến 15 tháng tù cải tạo không giam giữ (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2023 đến ngày 04/8/2023 là 59 ngày, bằng 177 ngày cải tạo không giam giữ). Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Lưu theo hồ sơ vụ án: **01 chiếc USB màu xanh, nhãn hiệu Micro và 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu Lexar, có chứa video ghi lại nội dung liên quan đến vụ án.**

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với mức án thấp nhất để bị cáo rèn luyện, phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Ngân N1:

Theo kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Ngân N1 đều khai nhận: Khoảng 7 giờ 00 phút, ngày 31/5/2023, tại phòng trọ của anh Hoàng Kiềm L ở xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, N1 đã có hành vi trộm cắp số tiền 2.900.000 đồng và 01 quyển sách “Thao túng tâm lý”, trị giá 30.000 đồng của anh Hoàng K Luồng. Tổng giá trị tài sản N1 trộm cắp của anh L là 2.930.000 đồng. Số tiền trộm cắp được của anh L, N1 đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị Ngân N1 đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật Hình sự, như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3]. Xét hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo Trần Thị Ngân N1 đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó, cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị Ngân N1: Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo có thái độ tỏ ra thực sự ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Phạm tội gây thiệt hại không lớn*” “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Ngân N1: Xét thấy, bị cáo tuổi đời còn trẻ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo **quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự**. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo rèn luyện, cải tạo để trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật và đảm bảo tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Đồng thời **thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người lần đầu phạm tội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.**

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tiền và tài sản, không có yêu cầu gì khác. Như vậy về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc USB màu xanh, nhãn hiệu Micro và 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu Lexar, có chứa video ghi lại nội dung liên quan đến vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với ông Trần Văn X và bà Tạ Thị N là bố, mẹ đẻ của bị cáo N1, quá trình điều tra xác định ông X, bà N2 không biết N1 trộm cắp số tiền và tài sản của anh L nên Cơ quan điều tra Công an thành phố T không xem xét, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Ngân N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngân N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị N1 N1 12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2023 đến ngày 04/8/2023 là 59 ngày, bằng 177 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Thị Ngân N1 cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa

phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Lưu theo hồ sơ vụ án 01 chiếc USB màu xanh, nhãn hiệu Micro và 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu Lexar, có chứa video ghi lại nội dung liên quan đến vụ án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị Ngân N1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tạ Thị N báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn